

NỘI DUNG ÔN TẬP _ KHỐI 10
CÁC MÔN KIỂM TRA TẬP TRUNG CUỐI KỲ HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2022 – 2023

1. TOÁN HỌC

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
1	Đại số tổ hợp	Quy tắc cộng và quy tắc nhân	1) Nhận biết: - Hiểu được qui tắc cộng, qui tắc nhân 2) Thông hiểu: - Tính được bài toán dùng một qui tắc cộng hoặc nhân cho toán thực tế và lập số tự nhiên 3) Vận dụng: - Áp dụng đối với bài toán có hai qui tắc cộng và nhân - lập số tự nhiên 4) Vận dụng cao: - Bài toán kết hợp qui tắc cộng và qui tắc nhân để giải quyết vấn đề thực tiễn - Lập số tự nhiên	- Thời lượng: 60 phút. - Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.
		Hoán vị-chỉnh hợp- tổ hợp	1) Nhận biết: Nhận biết công thức hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp 2) Thông hiểu: Bài toán xếp hàng dọc, hàng ngang, xếp sơ đồ chỗ ngồi,.. 3) Vận dụng: - Bài toán lập số tự nhiên - Tính được số các hoán vị n phần tử; chỉnh hợp, tổ hợp chập k của n phần tử.	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
			- Vận dụng được hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp vào một số bài toán thực tế 4) Vận dụng cao: -Kết hợp linh hoạt các dạng toán trên	
		Nhị thức New-Ton	1) Nhận biết: -Nhận biết công thức khai triển nhị thức NewTon -Số các số hạng của nhị thức NewTon 2) Thông hiểu: - Khai triển được nhị thức NewTon bậc 4 bậc 5 3) Vận dụng: - Tìm số hạng , hệ số của số hạng thứ n , $0 \leq n \leq 5$ - Tìm tổng các hệ số,.. 4) Vận dụng cao:	
2	Bất phương trình bậc hai một ẩn	Dấu tam thức bậc hai	1) Nhận biết: - Đọc được dấu tam thức bậc hai đơn giản - Nhận biết tam thức bậc hai 2) Thông hiểu: -Lập được dấu tam thức bậc hai đơn giản - Dực vào đồ thị , bảng biến thiên đọc dấu tam thức bậc hai 3) Vận dụng: -Tìm điều kiện của tham số để BPT thỏa điều kiện cho trước : pt có 2 nghiệm, pt vô nghiệm, pt có 2 nghiệm âm (dương) phân biệt ,tam thức luôn âm (dương) 4) Vận dụng cao: Bài toán thực tiễn	
		Bất phương trình bậc 2 một ẩn, phương trình quy về bậc 2	1) Nhận biết: -Nhận biết phương trình qui về bậc hai - Nhận biết bất phương trình bậc hai 1 ẩn 2) Thông hiểu: Giải BPT bậc 2 hoặc biến đổi đơn giản quy về BPT bậc 2 –	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
			Dùng đồ thị hoặc bảng biến thiên để giải bất phương trình bậc hai 3) Vận dụng: - Giải BPT chứa căn bậc 2 - Dùng đồ thị hoặc bảng biến thiên để giải bất phương trình bậc hai - Tìm tham số m để biểu thức luôn âm, luôn dương, không âm, không dương 4) Vận dụng cao: Tìm GTLN – GTNN của một biểu thức Bài toán thực tiễn Bài toán vận dụng bất phương trình bậc hai.	
3	Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng	Tọa độ của vec tơ	1) Nhận biết : - Nhận biết tọa độ điểm, tọa độ vec tơ qua biểu thức vec tơ đơn vị 2) Thông hiểu: - Tìm tọa độ điểm khi biết PT của 2 đường thẳng - Tìm độ dài đoạn thẳng - Ba điểm thẳng hàng,... 3) Vận dụng: - Tìm chân đường cao - Tìm hình chiếu của điểm lên đường thẳng, lên các trục tọa độ. - Tìm điểm đối xứng qua các trục tọa độ, qua đường thẳng cho trước 4) Vận dụng cao: Bài toán thực tiễn	
		Phương trình đường thẳng	1) Nhận biết: - Tìm VTCP, VTPT của đường thẳng. - Viết PTTS, PTTQ đường thẳng đi qua một điểm cho trước	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
			và có VTCP hoặc VTPT cho trước. 2) Thông hiểu: - Viết PTTS, PTTQ của đường thẳng qua 2 điểm, qua 1 điểm song song hoặc vuông góc. - Tìm tọa độ giao điểm của 2 đường thẳng. - Xét vị trí tương đối của hai đường thẳng - Tính góc của hai đường thẳng - Tính khoảng cách từ điểm tới đường thẳng 3) Vận dụng: - Viết PTTS, PTTQ của đường thẳng song song (hoặc vuông góc) với 1 đường và thỏa điều kiện về khoảng cách cho trước - Viết PT đường cao, đường trung tuyến của tam giác, đường phân giác - Tính khoảng cách giữa hai đường thẳng song song,... 4) Vận dụng cao: Bài toán thực tiễn Bài toán tổng hợp kỹ năng và kiến thức đường thẳng.	
		Phương trình đường tròn	1) Nhận biết: Nhận diện được phương trình đường tròn, xác định tâm và bán kính khi biết phương trình đường tròn. Viết được phương trình đường tròn khi có tâm và bán kính 2) Thông hiểu: Viết được phương trình đường tròn trong các trường hợp, biết một yếu tố, tìm yếu tố còn lại. - Tìm tham số m để phương trình bậc hai là phương trình đường tròn. 3) Vận dụng: - kết hợp các yếu tố để tìm phương trình đường tròn. - Viết được phương trình tiếp tuyến với đường tròn khi biết	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
			toạ độ của tiếp điểm, biết tiếp tuyến song song, vuông góc với đường thẳng cho trước. 4) Vận dụng cao: -Bài toán thực tiễn	
		Phương trình đường Elip	1) Nhận biết: - Biết định nghĩa, phương trình chính tắc và hình dạng của elip 2) Thông hiểu: - xác định được độ dài trục lớn, trục nhỏ, tiêu cự của elip; xác định được toạ độ các tiêu điểm, giao điểm của elip với các trục toạ độ. 3) Vận dụng: 4) Vận dụng cao:	
4	Xác suất	Không gian mẫu	1) Nhận biết: Nhận biết không gian mẫu, phép thử 2) Thông hiểu: Phép thử ngẫu nhiên; không gian mẫu; biến cố liên quan đến phép thử ngẫu nhiên, biến cố đối. 3) Vận dụng: Tìm số phần tử không gian mẫu, phép thử 4) Vận dụng cao:	
		Xác suất của biến cố	1) Nhận biết: - xác định được không gian mẫu - Nhận biết công thức tính xác suất 2) Thông hiểu: - Xác định được số phần tử biến cố , biến cố đối - Tính được xác suất trong trường hợp sử dụng công thức tính xác suất biến cố A	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
			3) Vận dụng: - Dùng biến cố đối để tính xác suất biến cố của phép thử - Biến cố phân tích từ ba trường hợp trở lên 4) Vận dụng cao:	

2. VẬT LÝ

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
1	Năng lượng và công	Biết được định luật bảo toàn năng lượng Biết khái niệm công, tính toán được công của các lực	Nhận biết: Biết được định luật bảo toàn năng lượng Biết khái niệm công, tính toán được công của các lực	- Thời lượng: 45 phút. - Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.
2	Công suất – Hiệu suất	Biết được ý nghĩa của công suất, hiệu suất Tính được công suất, hiệu suất	Nhận biết: Biết được ý nghĩa của công suất, hiệu suất Thông hiểu: Tính được công suất, hiệu suất	
3	Động năng và thế năng. Định luật bảo toàn cơ năng	Khái niệm, tính chất của động năng, thế năng, cơ năng Tính toán được động năng, thế năng, cơ năng Biết và vận dụng được định luật bảo toàn cơ năng	Nhận biết: Khái niệm, tính chất của động năng, thế năng, cơ năng Chuyển hóa động năng, thế năng Định luật bảo toàn cơ năng Thông hiểu: Tính được động năng, thế năng, cơ năng Vận dụng cao: Tính được động năng, thế năng, cơ năng Vận dụng được định luật bảo toàn cơ năng	
4	Động lượng và định luật bảo toàn động lượng Các loại va chạm	Khái niệm, tính chất động lượng Tính được động lượng Định luật bảo toàn động lượng Mối liên hệ giữa lực tổng hợp tác dụng lên vật và tốc độ thay đổi của động lượng	Nhận biết: Khái niệm, tính chất của động lượng Định luật bảo toàn động lượng Mối liên hệ giữa lực tổng hợp tác dụng lên vật và tốc độ thay đổi của động lượng Các loại va chạm Thông hiểu: Giải thích được các chuyển động liên quan đến bảo toàn động	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
		Các loại va chạm	lượng Vận dụng thấp: Tính được động lượng, thay đổi động lượng Vận dụng được định luật bảo toàn động lượng	
5	Động học của chuyển động tròn	Định nghĩa chuyển động tròn Các đại lượng liên qua chuyển động tròn như tốc độ góc, tốc độ dài, gia tốc hướng tâm, chu kỳ, tần số,...	Nhận biết: Định nghĩa chuyển động tròn Các đại lượng liên qua chuyển động tròn như tốc độ góc, tốc độ dài, gia tốc hướng tâm, chu kỳ, tần số,.. Thông hiểu: Tính toán các đại lượng liên qua chuyển động tròn như tốc độ góc, tốc độ dài, gia tốc hướng tâm, chu kỳ, tần số,...	

3. HÓA HỌC

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
1	Phản ứng oxi hoá – khử	- Phản ứng oxi hóa khử - Ứng dụng phản ứng oxi hóa khử trong cuộc sống.	1) Nhận biết: - Số oxi hoá của nguyên tố trong các phân tử đơn chất và hợp chất. - Khái niệm chất oxi hóa. - Khái niệm chất khử. - Khái niệm sự oxi hóa. - Khái niệm sự khử. - Khái niệm phản ứng oxi hóa khử. - Nêu được một số hiện tượng liên quan đến phản ứng oxi hóa khử. 2) Thông hiểu: - Phản ứng oxi hoá - khử là phản ứng hoá học trong đó có sự thay đổi số oxi hoá của nguyên tố. - Chất oxi hoá là chất nhận electron, chất khử là chất nhường electron. - Sự oxi hoá là sự nhường electron, sự khử là sự nhận electron. - Các bước lập phương trình phản ứng oxi hoá - khử. - Xác định được số electron nhường, thu trong các phản ứng oxi hóa – khử. - Mô tả các hiện tượng tự nhiên có liên quan đến phản ứng oxi hóa khử dưới dạng các phương trình phản ứng. 3) Vận dụng: - Phân biệt được chất oxi hóa và chất khử, sự oxi hoá và sự khử trong phản ứng oxi hoá - khử cụ thể. - Lập được phương trình hoá học của phản ứng oxi hoá - khử dựa vào số oxi hoá (cân bằng theo phương pháp thăng bằng electron).	- Thời lượng: 45 phút. - Hình thức: Trắc nghiệm.

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
			4) Vận dụng cao: - Lập được phương trình hoá học và làm bài tập liên quan đến phản ứng oxi hóa - khử.	
2	Năng lượng hoá học	Enthalpy tạo thành và biến thiên enthalpy. Tính biến thiên enthalpy của phản ứng hóa học	1) Nhận biết: - Khái niệm phản ứng tỏa nhiệt. - Khái niệm phản ứng thu nhiệt. - Khái niệm enthalpy chuẩn của phản ứng. - Khái niệm phương trình nhiệt hóa học. - Khái niệm enthalpy tạo thành. 2) Thông hiểu: - Nêu được ý nghĩa của giá trị enthalpy của phản ứng. - Xác định được phản ứng thu nhiệt, tỏa nhiệt dựa vào phương trình nhiệt hóa học. - So sánh được độ bền của hợp chất với các đơn chất tạo thành. - Xác định các phản ứng có khả năng tự xảy ra hoặc cần cung cấp nhiệt năng để thực hiện phản ứng. 3) Vận dụng: - Xác định enthalpy tạo thành của các hợp chất. - Vẽ được sơ đồ biểu diễn biến thiên enthalpy của phản ứng. - So sánh nhiệt phản ứng của hai phản ứng và xác định phản ứng xảy ra thuận lợi hơn. 4) Vận dụng cao: - Tính được biến thiên enthalpy của phản ứng dựa vào năng lượng liên kết và enthalpy tạo thành. - Giải thích được các quá trình xảy ra trong tự nhiên qua các phương trình nhiệt hóa học.	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
3	Tốc độ phản ứng và cân bằng hóa học	Phương trình tốc độ phản ứng và hằng số tốc độ phản ứng. Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng.	1) Nhận biết: - Định nghĩa tốc độ phản ứng và ví dụ cụ thể. - Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng: nồng độ, áp suất, nhiệt độ, diện tích tiếp xúc, chất xúc tác. - Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng: nồng độ, áp suất, nhiệt độ, diện tích tiếp xúc, chất xúc tác. 2) Thông hiểu: - Viết được biểu thức tốc độ phản ứng theo hằng tốc độ phản ứng và nồng độ phản ứng đơn giản - Nêu được ý nghĩa hằng số tốc độ phản ứng. - Giải thích được các yếu tố ảnh hưởng tới tốc độ phản ứng. 3) Vận dụng: - Tính được tốc độ phản ứng trung bình của phản ứng. - Xác định được sự thay đổi tốc độ phản ứng khi thay đổi nồng độ chất tham gia. - Vận dụng được các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng để làm tăng hoặc giảm tốc độ của phản ứng. 4) Vận dụng cao: - Vận dụng được các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng để làm tăng hoặc giảm tốc độ của một số phản ứng trong thực tế đời sống, sản xuất theo hướng có lợi. - Xác định tốc độ phản ứng từ các số liệu thực nghiệm của phản ứng.	

4. SINH HỌC

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
1	Bài 13: Chu kì tế bào và nguyên phân	- Chu kì tế bào - Cơ chế nguyên phân		- Thời lượng: 45 phút. - Hình thức: Trắc nghiệm.
2	Bài 14: Giảm phân	- Quá trình giảm phân - Sự phát sinh giao tử và thụ tinh		
3	Bài 17: Vi sinh vật và các phương pháp nghiên cứu vi sinh vật	- Khái niệm và đặc điểm của vi sinh vật - Các kiểu dinh dưỡng của vi sinh vật		
4	Bài 18: Sinh trưởng và sinh sản của vi sinh vật	- Khái niệm về sinh trưởng của vi sinh vật - Các pha sinh trưởng của quần thể vi khuẩn		
5	Bài 21: Khái niệm, cấu tạo và chu trình nhân lên của virus	- Chu trình nhân lên của virus		

5. NGŨ VĂN

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
1	Đọc hiểu Các văn bản ngoài chương trình sách giáo khoa bộ chân trời sáng tạo Ngữ văn lớp 10 tập 2 và phải cùng thể loại với văn bản đã học (TRUYỆN) hướng về CHỦ ĐỀ: “ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI”	- 06 Câu Trắc nghiệm có độ phủ cho kiến thức phần “ Tri thức Ngữ văn” - 04 câu tự luận ngắn: + Nêu nội dung chính (hoặc chủ đề, câu chủ đề) của văn bản... + Thông điệp, ý nghĩa rút ra từ văn bản...	1) Nhận biết: - Thể loại và đặc trưng thể loại 2) Thông hiểu: - Cốt truyện, thông điệp 3) Vận dụng: - Nhận thức, quan điểm, thái độ 4) Vận dụng cao: - Viết đoạn văn ngắn	- Thời lượng: 90 phút. - Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.
2	Làm văn	- Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch - Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm	1) Nhận biết: - Kiểu bài bài văn nghị luận 2) Thông hiểu: - Các bước, thao tác viết bài văn 3) Vận dụng: - Các kĩ năng, thao tác vào làm văn 4) Vận dụng cao: - Bày tỏ thái độ, đánh giá	

6. LỊCH SỬ

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
1	Bài 17. Văn minh Phù Nam	- Cơ sở hình thành - Tổ chức nhà nước - Thành tựu văn minh tiêu biểu	1) Nhận biết: - Cơ sở hình thành - Tổ chức nhà nước 2) Thông hiểu: - Thành tựu văn minh tiêu biểu - Chữ viết - Đời sống vật chất - Đời sống tinh thần 3) Vận dụng: - Văn hóa Ấn Độ ảnh hưởng thế nào đến sự hình thành phát triển của văn hóa Phù Nam 4) Vận dụng cao: - Yếu tố biển và kinh tế biển tác động thế nào đến sự hình thành phát triển của văn hóa Phù Nam	- Thời lượng: 45 phút. - Hình thức: Trắc nghiệm.
2	Bài 18. Văn minh Đại Việt	- Cơ sở hình thành và quá trình phát triển của văn minh Đại Việt - Khái niệm văn minh Đại Việt - Thành tựu văn minh tiêu biểu	1) Nhận biết: - Cơ sở hình thành và quá trình phát triển của văn minh Đại Việt 2) Thông hiểu: - Khái niệm văn minh Đại Việt - Thành tựu văn minh tiêu biểu - Về kinh tế - Về chính trị - Về tư tưởng, tôn giáo - Giáo dục và văn học - Khoa học - Nghệ thuật 3) Vận dụng: - An Nam tứ đại khí	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
			4) Vận dụng cao: - Luật pháp ra đời tác động như thế nào đến sự phát triển của xã hội	
3	Bài 19. Các dân tộc trên đất nước Việt Nam	- Thành phần các dân tộc trên đất nước Việt Nam - Đời sống vật chất - Đời sống tinh thần	1) Nhận biết: - Thành phần các dân tộc trên đất nước Việt Nam 2) Thông hiểu: - Đời sống vật chất - Đời sống tinh thần 3) Vận dụng: - Phong tục, tập quán, lễ hội 4) Vận dụng cao:	

7. ĐỊA LÝ

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
1	NGÀNH CÔNG NGHIỆP	Bài 30: Địa lý các ngành công nghiệp	Nhận biết - Trình bày được đặc điểm của một số ngành: khai thác than, dầu khí; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng. Thông hiểu - Trình bày được vai trò của một số ngành: khai thác than, dầu khí; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng. - Giải thích được sự phân bố của một số ngành: khai thác than, dầu khí; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng. Vận dụng - Đọc được bản đồ công nghiệp; vẽ và phân tích được biểu đồ về công nghiệp. Vận dụng cao - Thu thập tài liệu, trình bày và báo cáo được một vấn đề về công nghiệp.	- Thời lượng: 45 phút. - Hình thức: Trắc nghiệm.
		Bài 31: Hình thức tổ chức lãnh thổ CN	Nhận biết - Trình bày được quan niệm của tổ chức lãnh thổ công nghiệp. Thông hiểu - Phân biệt được vai trò và đặc điểm của các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp. Vận dụng - Phân tích được tác động của công nghiệp đối với môi trường, sự cần thiết phải phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo. - Đọc được bản đồ công nghiệp; vẽ và phân tích được biểu đồ về công nghiệp. Vận dụng cao - Thu thập tài liệu, trình bày và báo cáo được một vấn đề về công nghiệp.	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
2	NGÀNH DỊCH VỤ	Bài 33: Cơ cấu, vai trò, đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố dịch vụ.	Nhận biết - Trình bày được cơ cấu, đặc điểm của dịch vụ. Thông hiểu - Trình bày được vai trò của dịch vụ. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố dịch vụ. Vận dụng - Đọc và phân tích được bản đồ, số liệu thống kê ngành dịch vụ. - Vẽ được biểu đồ, sơ đồ. Vận dụng cao - Liên hệ được các hoạt động dịch vụ tại địa phương. - Viết được báo cáo tìm hiểu về một ngành dịch vụ.	
		Bài 34: Địa lý ngành giao thông vận tải.	Nhận biết - Trình bày được đặc điểm của ngành giao thông vận tải. - Trình bày được tình hình phát triển và phân bố các ngành giao thông vận tải. Thông hiểu - Trình bày được vai trò của ngành giao thông vận tải. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của giao thông vận tải. Vận dụng - Đọc và phân tích được bản đồ, số liệu thống kê ngành giao thông vận tải. - Vẽ được biểu đồ, sơ đồ. Vận dụng cao - Liên hệ được các hoạt động giao thông vận tải tại địa phương.	

8. GDCD

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
1	Bài 15: Tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân		1) Nhận biết: - Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân 2) Thông hiểu: - Phân biệt được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân 3) Vận dụng: - Thực hiện được quyền và nghĩa vụ của công dân đối với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân bằng những việc làm phù hợp	- Thời lượng: 45 phút. - Hình thức: Trắc nghiệm.
2	Bài 16: Chính quyền địa phương		1) Nhận biết: - Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân 2) Thông hiểu: - Nhận biết được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân 3) Vận dụng: - Thực hiện được quyền và nghĩa vụ của công dân đối trong mối quan hệ với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân nơi mình sinh sống bằng những việc làm phù hợp.	
3	Bài 17: Pháp luật và đời sống		1) Nhận biết: - Nêu được khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội. 2) Thông hiểu:	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
			- Phân biệt được các đặc điểm của pháp luật 3) Vận dụng: - Giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng, vấn đề pháp luật đang diễn ra ở Việt Nam và thế giới 4) Vận dụng cao: - Đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với quy định của pháp luật và lứa tuổi.	
4	Bài 18: Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam		1) Nhận biết: - Nêu được hệ thống pháp luật Việt Nam và văn bản pháp luật Việt Nam. 2) Thông hiểu: - Kể tên được các văn bản pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam 3) Vận dụng: - Biết đánh giá các vấn đề về pháp luật và hệ thống pháp luật. 4) Vận dụng cao: - Biết chọn cách giải quyết vấn đề một cách đúng đắn và hợp lý trước những tình huống đặt ra trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến văn bản pháp luật Việt Nam.	
5	Bài 19: Thực hiện pháp luật		1) Nhận biết: - Nêu được khái niệm thực hiện pháp luật, các hình thức thực hiện pháp luật. 2) Thông hiểu:	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
			- Phân biệt được các hình thức thực hiện pháp luật. 3) Vận dụng: - Lựa chọn được các hình thức thực hiện pháp luật phù hợp với bản thân khi tham gia các quan hệ xã hội. 4) Vận dụng cao: - Nhìn nhận, phân tích vấn đề về mặt pháp luật một cách hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với quy định của pháp luật và lứa tuổi.	
6	Bài 20: Khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp		1) Nhận biết: - Nêu được khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong hệ thống pháp luật Việt Nam. 2) Thông hiểu: - Hiểu được vị trí quan trọng của Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam. 3) Vận dụng: - Thực hiện được trách nhiệm của công dân trong việc chấp hành Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong thực hiện Hiến pháp năm 2013. 4) Vận dụng cao: - Biết đưa ra các quyết định hợp lý và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với quy định của Hiến pháp.	

9. TIẾNG ANH

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
1	UNIT 6 + 7	STRESS	Nhận biết: - Nhận từ có 2 hoặc 3 âm tiết có trong Unit 7	- Thời lượng: 45 phút. - Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận.
		PRONUNCIATION	Nhận biết: - Phát âm của từ (từ có trong đơn vị bài Unit 7)	
		COMMUNICATION		
		VOCABULARY	Nhận biết: - Từ loại và nghĩa của từ Thông hiểu: - Đồng nghĩa - Trái nghĩa	
		WORD FORM	Nhận biết: - Viết từ loại có dấu hiệu nhận biết(có trong Unit 7) - Chọn đúng từ điền vào chỗ trống dựa vào dấu hiệu (unit 7) Thông hiểu: - Viết từ loại có dấu hiệu nhận biết. - Chọn đúng từ điền vào chỗ trống dựa vào dấu hiệu Vận dụng: - Viết từ loại	
		TENSES	Nhận biết: - Chọn đúng lựa chọn có dấu hiệu nhận biết (câu đơn) - Chia động từ dấu hiệu nhận biết (câu đơn) Thông hiểu: - Câu có dấu hiệu nhận biết (câu phức) - Chia động từ dựa vào dấu hiệu (câu phức) Vận dụng: - Chia động từ dựa vào ngữ cảnh Vận dụng cao: - Viết lại câu với gợi ý cho sẵn	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
		READING	Nhận biết: - Nhận biết chọn từ phù hợp nhờ vào dấu hiệu nhận biết (giới từ, adj+n, ..) Thông hiểu: - Hs đọc đoạn văn cho sẵn ,lựa chọn câu trả lời (câu trả lời bám sát sử dụng các các câu từ của đoạn văn) Vận dụng thấp: - Hs đọc hiểu và vận dụng kiến thức tìm từ đồng nghĩa, trái nghĩa, nội dung chính của đoạn, của bài	
		IF 1	Nhận biết: - Một vế có sẵn, HS cho dạng đúng động từ vế còn lại. Thông hiểu: - Sửa sai Vận dụng cao: - Cho tình huống, viết lại dạng điều kiện	
		IF 2	Nhận biết: - Một vế có sẵn, HS cho dạng đúng động từ vế còn lại. Thông hiểu: - Sửa sai Vận dụng cao: - Cho tình huống, viết lại dạng điều kiện	
		REPORTED SPEECH	Nhận biết: - Hs biết lựa chọn động từ tường thuật, đổi từ chỉ thời gian nơi chốn. Thông hiểu: - Sửa sai Vận dụng: - Viết lại câu (câu đơn) Vận dụng cao: - Viết lại câu (câu ghép, câu phức)	

Stt	Nội dung kiến thức (Tên chương/bài/chủ đề)	Đơn vị kiến thức (vấn đề/dạng bài tập cần lưu ý)	Yêu cầu kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Thời lượng – hình thức làm bài
		WORD SKILLS	Nhận biết: - Sử dụng các động từ trong sách giáo khoa Vận dụng cao: - Viết lại câu	
2	UNIT 6 + 7	LISTENING	Nhận biết: - Điền từ - True False Thông hiểu: - Điền từ Vận dụng: - Điền từ - True False	